

Số: DBLU_20/21h00/DBQG

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2024

**TIN LŨ KHẨN CẤP TRÊN SÔNG THAO, SÔNG LÔ, SÔNG CẦU,
SÔNG THƯƠNG, SÔNG HOÀNG LONG VÀ SÔNG THÁI BÌNH
TIN LŨ TRÊN SÔNG LỤC NAM VÀ SÔNG HỒNG**

1. Hiện trạng diễn biến lũ đã qua

- Lũ trên sông Cầu (tỉnh Bắc Ninh), sông Thương (tỉnh Bắc Giang), sông Thái Bình (Thành phố Hải Dương), sông Hồng (Thành phố Hà Nội) đang lên.

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái và Phú Thọ đang xuống.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang đang xuống; tại Vụ Quang (tỉnh Phú Thọ) đã đạt đỉnh ở mức 21,21m, lúc 17h/11/9, trên báo động (BD)3 0,71m và đang xuống.

- Lũ trên sông Hoàng Long (tỉnh Ninh Bình) đang biến đổi chậm.

- Lũ trên sông Lục Nam (tỉnh Bắc Giang) đang biến đổi chậm.

Mức nước lúc 19h/11/9, trên các sông như sau:

- Trên sông Thao tại Yên Bái 32,49m, trên BD3 0,49m; tại Phú Thọ 17,83m, trên BD1 0,33m;

- Trên sông Cầu tại Đáp Cầu 7,52m, trên BD3 1,22m;

- Trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương 7,21m, trên BD3 0,91m;

- Trên sông Lục Nam tại Lục Nam 6,22m, dưới BD3 0,08m;

- Trên sông Lô tại Tuyên Quang 26,95m, trên BD3 0,95m; tại Vụ Quang 21,13m, trên BD3 0,63m.

- Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé 4,48m, trên mức BD3 0,48m;

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại 6,13m, trên BD3 0,13m;

- **Trên sông Hồng tại Hà Nội 11,24m, dưới BD3 0,26m.**

2. Dự báo:

Trong 12 giờ tới:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống mức BD2; tại Phú Thọ sẽ xuống dưới mức BD1

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống mức BD3

- Lũ trên sông Cầu tiếp tục lên trên mức BD3

- Lũ trên sông Thương sẽ biến đổi chậm ở trên mức BD3

- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BD3

- Lũ trên sông Thái Bình tiếp tục lên trên mức BD3

- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ biến đổi chậm trên mức BD3

- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ biến đổi chậm ở trên mức BD2 và dưới BD3**

Trong 12- 24 giờ tiếp theo:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống mức BD1; tại Phú Thọ tiếp tục xuống dưới mức BD1

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống mức BĐ2
- Lũ trên sông Cầu sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ3
- Lũ trên sông Thương sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3
- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ3
- Lũ trên sông Thái Bình tiếp tục lên trên mức BĐ3
- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ biến đổi chậm trên mức BĐ3
- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ2**

(Chi tiết mực nước thực đo, dự báo các điểm trong Phụ lục 1).

Cảnh báo: Trong 24 giờ tới, mực nước các trạm hạ lưu hệ thống sông Hồng- Thái Bình lên mức BĐ3 và trên BĐ3. Mực nước lũ lên cao gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bãi bồi ngoài đê chính, gây tràn vỡ các đê bồi ven sông, sạt lở đê, kè có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các vị trí xung yếu ven sông thuộc các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình.

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Tình trạng ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông tại các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hòa Bình; lũ quét và sạt lở đất trên các sườn dốc ở khu vực vùng núi Bắc Bộ *(thông tin dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực được cung cấp trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn tại địa chỉ: <http://luquetsatlo.nchmf.gov.vn/> và trong bản tin riêng cảnh báo lũ quét, sạt lở đất).*

(Chi tiết huyện có nguy cơ ngập lụt trong Phụ lục 2).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 3

5. Cảnh báo tác động của lũ:

Lũ trên các sông, suối lên gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bờ bãi ven sông bị nước xâm lấn, nhiều diện tích bãi nổi giữa sông bị ngập sâu. ảnh hưởng tới các hoạt động giao thông đường thủy, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp dân sinh và các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt tại hạ lưu sông Hồng-Thái Bình.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 03h30 ngày 12/9/2024

Tin phát lúc: 21h00

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Đại

Phụ lục 1. Bảng trị số mực nước thực đo và dự báo

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									
			19h/11/9	01h/12/9	07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	H đỉnh	Thời gian xuất hiện
Thao	Yên Bái	H (cm)	3249	3170	3100	3050	3000						
		So sánh (cm)	>BĐ3 49	<BĐ3 30	BĐ2	<BĐ2 50	BĐ1						
Thao	Phú Thọ	H (cm)	1783	1750	1710	1680	1660						
		So sánh (cm)	>BĐ1 33	BĐ1	<BĐ1 40	<BĐ1 70	<BĐ1 90						
Cầu	Đáp Cầu	H (cm)	752	765	775	780	780						
		So sánh (cm)	>BĐ3 122	>BĐ3 135	>BĐ3 145	>BĐ3 150	>BĐ3 150						
Thương	Phủ Lạng Thương	H (cm)	721	725	730	730	725					730	
		So sánh (cm)	>BĐ3 91	>BĐ3 95	>BĐ3 100	>BĐ3 100	>BĐ3 95					>BĐ3 100	Sáng 12/9
Lục Nam	Lục Nam	H (cm)	622	615	620	620	615						
		So sánh (cm)	<BĐ3 8	<BĐ3 15	<BĐ3 10	<BĐ3 10	<BĐ3 15						
Thái Bình	Phả Lại	H (cm)	613	625	635	645	650	655	655				
		So sánh (cm)	>BĐ3 13	>BĐ3 25	>BĐ3 35	>BĐ3 45	>BĐ3 50	>BĐ3 55	>BĐ3 55				
Lô	Tuyên Quang	H (cm)	2695	2640	2580	2520	2480						
		So sánh (cm)	>BĐ3 95	>BĐ3 40	<BĐ3 20	<BĐ3 80	>BĐ2 80						
	Vụ Quang	H (cm)	2113	2080	2040	2000	1950						
		So sánh (cm)	>BĐ3 63	>BĐ3 30	<BĐ3 10	<BĐ3 50	BĐ2						

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									
			19h/11/9	01h/12/9	07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	H đỉnh	Thời gian xuất hiện
Hoàng Long	Bến Đé	H (cm)	448	450	450	445	430						
		So sánh (cm)	>BĐ3 48	>BĐ3 50	>BĐ3 50	>BĐ3 45	>BĐ3 30						
Hồng	Hà Nội	H (cm)	1124	1135	1130	1110	1090	1060	1040	1020	980	1130-1140	Đêm ngày 11/9
		So sánh (cm)	<BĐ3 26	<BĐ3 15	<BĐ3 20	<BĐ3 40	>BĐ2 40	>BĐ2 10	<BĐ2 10	<BĐ2 30	>BĐ1 30	<BĐ3 20-30	

Phụ lục 2. Nguy cơ ngập lụt ở các vùng trũng, thấp tại các Quận/ huyện

TT	Tỉnh	Quận/Huyện có nguy cơ ngập lụt
1	Yên Bái	Yên Bái, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Trấn, Lục Yên, Yên Bình, Trạm Tấu
2	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang, Lục Nam
3	Thái Nguyên	Tp. Thái Nguyên, Tp. Sông Công, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, Tx. Phổ Yên
4	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh, Yên Phong,
6	Phú Thọ	Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông, Yên Lập, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Lâm Thao, Đoan Hùng.
7	Tuyên Quang	Hàm Yên, Chiêm Hóa, Thành phố Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương
8	Hà Nội	Tây Hồ, Long Biên, Hoàn Kiếm, Gia Lâm, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Đông Anh
9	Ninh Bình	Nho Quan, Gia Viễn, Thành phố Ninh Bình, Yên Khánh
10	Hải Dương	Thanh Hà, Kinh Môn, Nam Sách, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Ninh Giang, Chí Linh, thành phố Chí Linh, thành phố Hải Dương
11	Thái Bình	Hưng Hà, Vũ Thư, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, thành phố Thái Bình
12	Nam Định	Thành phố Nam Định, Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy
13	Hà Nam	Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, Thanh Liêm
14	Vĩnh Phúc	Yên Lạc, Lập Thạch